**Ngày soạn : Tiết 99, 100 : THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: SỐ TỪ**

**Ngày dạy:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng khởi, dẫn vào bài học mới.

**b. Nội dung:** Học sinh xác định những từ đã cho và cho biết thuộc loại từ nào.

**c. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **GV Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chiếu những từ sau lên màn hình: “Một, hai, ba, những, cả, mấy”. Sau đó yêu cầu học sinh trả lời những từ trên thuộc từ loại nào trong thời gian 3 phút.  **HS thực hiện nhiệm vụ**  HS cùng suy nghĩ, ghi đáp án ra bảng nhóm trong 2 phút (Kích cỡ bằng tờ A3)  **\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  ***Học sinh làm, đọc đáp án của một vài nhóm. Các học sinh khác bổ sung, nhận xét.***  **\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV lắng nghe những đáp án của các nhóm, khen và thưởng sao (hoặc điểm) cho nhóm có kết quả đúng.  *=> GV chốt: Trong các từ đã cho đó đều là số từ. Tuy nhiên trong tiết học hôm nay, các em sẽ được làm rõ hơn về đặc điểm và chức năng của số từ.* | Câu trả lời của HS |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:**

- HS hiểu được số từ là gì.

- HS hiểu được đặc điểm và chức năng của số từ.

- HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

**b. Nội dung:**

GV hướng dẫn HS phân tích VD trong sgk để nhận thấy được chức năng và đặc điểm của số từ.

**c. Tổ chức hoạt động**

**2.1 Đặc điểm và chức năng của số từ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **NV1:Đặc điểm và chức năng của số từ**  **\* GV chuyển giao nhiệm vụ**  -GV hướng dẫn hs phân tích vd trong sgk  -GV chiếu vd lên và yêu cầu học sinh phân biệt ý nghĩa của 2 câu sau:  ***+ Vd1: Hai*** *cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như* ***hai*** *lưỡi liềm máy làm việc.*  ***(Tô Hoài- Dế Mèn phiêu lưu kí)***  *+****Vd2****: Đã dậy chưa hả trầu*  *Tao hái* ***vài*** *lá nhé*  *Cho bà và cho mẹ*  *Đừng lụi đi trầu ơi*  (Trần Đăng Khoa, *Đánh thức trầu*)   * Hỏi: Các từ in đậm trên bổ sung ý nghĩa cho những từ nào? * Từ “hai” với từ “vài” khác nhau ở chỗ nào?   **\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập:**HS quan sát và trả lời câu hỏi.  **\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  Một vài HS trả lời câu hỏi. Các HS khác bổ sung (nếu có).  **\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV định hướng cho hs theo tri thức tiếng việt trong sgk.   * Từ “hai” bổ sung ý nghĩa cho danh từ “cái răng”, “lưỡi liềm”. * Từ “vài” bổ sung ý nghĩa cho từ lá. * Cả hai đều là số từ chỉ số lượng. Từ “hai” chỉ con số cụ thể, chính xác. Từ “vài” chỉ con số ước chừng.   +Vd3: GV chiếu cho hs xem tiếp ví dụ 3:  **NV2: Chức năng của số từ**  **\* GV chuyển giao nhiệm vụ**  *Bạn Lan ngồi bàn* ***thứ ba*** *từ trên bảng xuống.*   * Hỏi: Từ in đậm trên bổ sung ý nghĩa gì trong câu?   **\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập:**  HS quan sát và trả lời câu hỏi.  ***\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập***  Một vài HS trả lời câu hỏi. Các HS khác bổ sung (nếu có).  **\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  **GV định hướng cho hs theo tri thức tiếng việt trong sgk.**  Từ “thứ ba” bổ sung ý nghĩa cho danh từ “bàn”, đứng sau danh từ. Gọi là số từ chỉ số thứ tự. | **I.Đặc điểm và chức năng của số từ**  **1. Đặc điểm**  Số từ là những từ chỉ số lượng và thứ tự của sự vật.  **2**. **Chức năng của số từ :**  - Số từ, đứng trước danh từ gọi là số từ chỉ số lượng.  - Số tư chỉ số lượng có hai loại, *+ số từ chỉ số lượng chính xác*  *+ số từ chỉ số lượng ước chừng*.  -Số từ chỉ số thứ tự. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: - HS hiểu rõ hơn về số từ.

- HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

**b. Nội dung:**GV hướng dẫn câu hỏi (1) trong SGK,

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bài tập 1:**  **GV Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu học sinh đọc câu hỏi (1) đồng thời chiếu đề lên máy chiếu:  ***Tìm và xác định chức năng của số từ trong các câu sau***:    a. *Vẽ một vòng tròn nhỏ giữa sân, ở giữa đặt một cây cờ hoặc chiếc khăn, cành lá,...tượng trưng cho cờ.*    (*Theo* Nguyễn Thị Thanh Thuỷ, *Trò chơi cướp cờ*)    b. *Sau đó, cờ lại được đặt vào vị trí quy định để trọng tài gọi hai người chơi tiếp theo của hai đội tham gia.*    (*Theo* Nguyễn Thị Thanh Thuỷ, *Trò chơi cướp cờ*)    c. *Sau hai ngày thì đặt ngửa củ lên, đưa vào dụng cụ dưỡng như bình thuỷ tinh, bình nhựa, bát đất nung.*    (*Theo* Giang Nam, *Cách gọt củ hoa thuỷ tiên*)    d. *Em quẹt que diêm thứ hai, diêm cháy và sáng rực lên.*    (An-đéc-xen, *Cô bé bán diêm*)    *đ. Mỗi khi dỡ những chiếc bánh khúc trong chõ ra, bà nội lại xếp dăm cái lên đĩa để thắp hương trên ban thờ.*    (Nguyễn Quang Thiều, *Tôi khóc những cánh đồng rau khúc*)  **HS: Thực hiện nhiệm vụ**  HS đọc SGK và trả lời câu hỏi.  **\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  Một vài HS trả lời câu hỏi. Các HS khác bổ sung (nếu có***).***  **\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  **Bài tập 2:**  **GV: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS xác định ý nghĩa của số từ được in đậm trong các ví dụ sau:  a. *Tục truyền, đời Hùng Vương thứ* ***sáu****, ở làng Gióng có* ***hai*** *vợ chồng ông lão chăm chỉ làm ăn và có tiếng là phúc đức.*   (*Thánh Gióng*)  *b. Con sắt đập ngã ông Đùng*  *Đắp* ***mười*** *chiếc chiếu không cùng bàn tay.*(Ca dao)  c. *Lần thứ* ***hai*** *cất lưới lên cũng thấy nặng tay. Thận không ngờ thanh sắt vừa rồi lại chui vào lưới mình. Chàng lại ném xuống sông. Lần thứ* ***ba****, vẫn thanh sắt ấy mắc vào lưới.*(*Sự tích Hồ Gươm*)  d. *Khoảng sau* ***một*** *giờ* ***rưỡi****, những nồi cơm lần lượt được đem trình trước cửa đình.*  (Minh Nhương, *Hội thổi cơm thi ở Đồng Vân*)  **HS Thực hiện nhiệm vụ**  HS làm bài tập (2) cá nhân  **\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  Ở câu hỏi (2) đại diện các nhóm trình bày trước lớp ý kiến.  GV hướng dẫn các HS khác nhận xét, góp ý, bổ sung.  **\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  Gv nhận xét và chốt  **Bài tập 3:**  **HS Thực hiện nhiệm vụ**  -GV yêu cầu HS làm việc theo cặp,   * Đọc lại đoạn văn đã viết ở câu hỏi 6 (văn bản *Trò chơi cướp cờ*), trang 47. Xác định số từ có trong đoạn văn (nếu chưa có thì hãy bổ sung ít nhất một số từ) và chỉ ra chức năng của (những) số từ đó.   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS làm bài tập ứng dụng (3 phút)  **\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  Đại diện HS trả lời trước lớp.  GV hướng dẫn các HS khác nhận xét, góp ý, bổ sung***.***  **\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  Gv nhận xét, bổ sung  **Bài tập 4:**  **GV Chuyển giao nhiệm vụ**  Chỉ ra nghĩa thông thường và nghĩa theo dụng ý của tác giả đối với các từ ngữ được đặt trong dấu ngoặc kép sau:  *a.“Chuẩn vị” thuỷ tiên xưa, lá phải xoăn, thấp, những bông hoa cao lêu đêu cũng là hỏng.*   (*Theo* Giang Nam, *Cách gọt củ hoa thuỷ tiên*)  b. *Theo nghệ nhân Nguyễn Phú Cường, đấy là lúc chiếc lá “ngoan” nhất.*  (*Theo* Giang Nam, *Cách gọt củ hoa thuỷ tiên*)  **HS Thực hiện nhiệm vụ**  HS làm nhóm  **\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  Đại diện HS trả lời trước lớp.  GV hướng dẫn các HS khác nhận xét, góp ý, bổ sung.  **\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  Gv nhận xét, bổ sung    **Bài tập 5:**  **GV:Chuyển giao nhiệm vụ**  Trong tiếng Việt, *cho*, *biếu*, *tặng* đều có nghĩa giống nhau là chuyển vật mình đang sở hữu cho người khác mà không đổi lấy gì cả. Trong câu văn “Rồi bà tôi dỡ dăm chiếc bánh khúc nóng hổi cho vào một chiếc đĩa để chị tôi mang vào cuối làng *biếu* bà ngoại tôi.” (Nguyễn Quang Thiều, *Tôi khóc những cánh đồng rau khúc*), vì sao tác giả lại dùng từ *biếu* mà không dùng *cho* hoặc *tặng*?  **HS:Thực hiện nhiệm vụ**  HS làm bài tập cá nhân  **\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  Ở câu hỏi đại diện các nhóm trình bày trước lớp ý kiến.  GV hướng dẫn các HS khác nhận xét, góp ý, bổ sung.  \* **Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  Gv nhận xét và chốt | **Bài tập 1:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu** | **Số từ được sử dụng** | **Chức năng của số từ** | | a | *một* | Bổ sung ý nghĩa về số lượng cho danh từ *vòng tròn, cây cờ.* | | b | *hai* | Bổ sung ý nghĩa về số lượng cho danh từ *người, đội.* | | c | *hai* | Bổ sung ý nghĩa về số lượng cho danh từ *ngày.* | | d | *hai* | Bổ sung ý nghĩa về thứ tự cho danh từ *thứ.* | | đ | *dăm* | Bổ sung ý nghĩa về số lượng cho danh từ *cái.* |   **Bài tập 2:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu** | **Số từ được sử dụng** | **Ý nghĩa của số từ** | | a | *sáu*  *hai* | Biểu thị số thứ tự của danh từ.  Biểu thị số lượng chính xác. | | b | *mười* | Biểu thị số lượng chính xác. | | c | *hai, ba* | Biểu thị số thứ tự của danh từ. | | d | *một, rưỡi* | Biểu thị số lượng chính xác. |   **Bài tập 3:**  **Bài tập** 4**:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Từ ngữ được đánh dấu** | **Nghĩa thông thường** | **Nghĩa được hiểu theo dụng ý của tg trong văn bản *Cách gọt củ hoa thuỷ tiên*** | | *Chuẩn vị* | Có vị đúng chuẩn. | Có vẻ đẹp đúng chuẩn (nói về vẻ đẹp hoa thuỷ tiên xưa). | | *Ngoan* | Dễ bảo, biết nghe lời (thường nói về trẻ em). | (Chiếc lá) dễ uốn nắn, dễ tạo hình nhất. |   **Bài tập 5:**  Về các từ *cho*, *biếu*, *tặng*:   * + Điểm giống nhau về nghĩa: chuyển vật mình đang sở hữu cho người khác mà không đổi lấy gì cả.   + Điểm khác nhau: ba từ trên có sự khác nhau về sắc thái biểu cảm và đối tượng nói đến khi sử dụng:   + *Cho*: thường dùng trong trường hợp người trên/ lớn tuổi hơn trao cho người dưới/ nhỏ tuổi hơn hoặc dùng giữa những người ngang hàng/ bằng tuổi nhau, biểu thị sắc thái bình thường, thân mật.  + *Biếu*: thường dùng trong trường hợp người dưới/ nhỏ tuổi hơn trao cho người trên/ lớn tuổi hơn, biểu thị sự tôn trọng, thành kính.  + *Tặng*: được dùng để chỉ ý “cho, trao cho nhằm khen ngợi, khuyến khích hay tỏ lòng yêu mến”, có thể dùng trong nhiều trường hợp (giữa người trên/ lớn tuổi và người dưới/ nhỏ tuổi hơn hoặc giữa những người ngang hàng/ bằng tuổi nhau). *Tặng* (ví dụ: tặng quà sinh nhật cho nó, tặng anh ấy một món quà, ttặng mẹ một bó hoa,…) thường được sử dụng trong các dịp đặc biệt như: sinh nhật, ngày lễ,…  Trong trường hợp câu văn của Nguyễn Quang Thiều, từ *biếu* được chọn dùng là hoàn toàn phù hợp vì đó là trường hợp “chị tôi” (người dưới) mang những chiếc bánh khúc nóng hổi đến để trao cho “bà ngoại tôi” (người trên). Cách sử dụng từ *biếu* trong trường hợp đó thể hiện được sự kính trọng của tác giả dành cho bà ngoại mình. Cách diễn đạt như vậy cho thấy những chiếc bánh khúc ấy không chỉ là những hiện vật về mặt vật chất mà nó còn gói trọn tất cả những tình cảm yêu thương, trân trọng mà người cho dành cho người nhận |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** HS ghi nhớ những nội dung chính trong tiết học.

**b. Nội dung:** GV cho HS tổng kết ngắn sau buổi học.

**c) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **GV Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS viết vào phiếu theo kĩ thuật 3-2-1 trong đó:  3: 3 từ khoá kiến thức trong tiết học  2: 2 bài học con học được  1: 1 câu hỏi/ thắc mắc cần được giải đáp  **HS:Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh ghi câu trả lời vào phiếu học tập  **\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  Một vài HS chia sẻ trước lớp.  \* **Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV nhận xét và chốt |  |

**IV. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

**- Bài vừa học:**

+ Đặc điểm và chức năng của số từ

+ Hoàn thành các bài tập trong sgk.

**- Bài sắp học: Tiết 101: Văn bản 4: Đọc mở rộng theo thể loại: Kéo Co - Trần Thị Ly -**

Trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn đọc hiểu ở SGK.